

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 60/2024/DS-PT

Ngày: 27 - 3 - 2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm
dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Minh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà.

Bà Đỗ Thị Thắm.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tú Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về việc tranh chấp “*Quyền sử dụng đất, yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 266/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thị xã Hoài Nhơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2024/QĐXXPT-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Trịnh Tăng T, sinh năm 1940; địa chỉ: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền cho ông Trịnh Tăng T là ông Nguyễn Hồng A; Cư trú: An Trinh, xã M, huyện P, tỉnh Bình Định. (theo giấy ủy quyền công chứng ngày 15/11/2023 tại Văn phòng C1, tỉnh Bình Định). (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Đỗ Văn T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1941. (vắng mặt)

2. Ông Trịnh Tăng T2, sinh năm 1971. (vắng mặt)

3. Ông Trịnh Tăng P, sinh năm 1975. (vắng mặt)

4. Bà Trịnh Thị Tăng Q, sinh năm 1977. (vắng mặt)

Đồng địa chỉ: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

5. Ông Trịnh Tăng Q1, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu A, thị trấn N, huyện P, tỉnh Bình Định. (có mặt)

6. Bà Trịnh Thị Tăng V, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố L, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

7. Ngân hàng N – Chi nhánh H. (có đơn đề nghị vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Xuân D, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: Số B đường H, phường B, thị xã H, tỉnh Bình Định.

8. UBND phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định. (có đơn đề nghị vắng mặt).

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn C, chức vụ: Chủ tịch UBND phường.

Địa chỉ: Khu phố B, phường H, thị xã H, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Văn T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trịnh Tăng T trình bày:

Nguyên thừa đất số 28, tờ bản đồ 02 tại phường H (bản đồ năm 1997) là do tôi mua từ ông Võ Y (đã chết) từ năm 1972. Ông sử dụng ổn định, lâu dài và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Trên đất có trồng một hàng dừa đã hơn 50 năm tuổi.

Liên kê thừa số 28 là thừa đất 29, tờ bản đồ 02 tại phường H của hộ bà Nguyễn Thị T3 đã tặng cho ông Đỗ Văn T1. Trong quá trình sử dụng đất, ông đã trồng hàng dừa trên đất để phân định ranh giới giữa hai thửa đất. Tuy nhiên, khi ông khai thác dừa thì gặp sự cản trở của ông T1 vì cho rằng hàng dừa này nằm trên đất của ông T1.

Nay ông yêu cầu tòa buộc ông Đỗ Văn T1 trả lại phần diện tích đất đã lấn chiếm và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất hợp pháp của hộ gia đình ông.

Bị đơn ông Đỗ Văn T1 trình bày:

Thửa đất số 29, tờ bản đồ 02 tại phường H (bản đồ năm 1997) là do gia đình ông mua từ khoảng năm 1966. Gia đình ông sử dụng đất ổn định, lâu dài và được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp. Đến năm 2019 thì ông được tặng cho quyền sử dụng toàn bộ thửa đất nêu trên.

Liên kê phần diện tích đất của ông là thửa đất 28, tờ bản đồ 02 tại phường H của hộ ông Trịnh Tăng T. Trong quá trình sử dụng đất, ông T đã trồng dừa xung quanh đất nhà ông và trồng thêm một hàng dừa khác ở giữa đám đất. Khi mẹ ông phát hiện sự việc có báo cáo với Nông hội nhưng không được giải quyết. Vì tình làng nghĩa xóm nên mẹ ông tiếp tục để ông T trồng và khai thác dừa. Tuy nhiên, đối với những cây dừa trồng quá sát nhà ông, mẹ ông và ông có yêu cầu ông T chặt dọn để tránh gây nguy hiểm đến tính mạng nhưng ông T không đồng ý.

Diện tích thửa đất của ông là 640m². Trước đây, giữa hai thửa đất có ranh giới sẵn là hàng rào cây sống nhưng ông T đã chặt dọn và trồng dừa chồng lên hàng rào từ năm 1972. Ông cũng có trồng 03 cây dừa và trồng các loại cây khác trên đất nhưng ông T đã chặt dừa và nhổ bỏ những cây ông trồng. Ông T còn hốt đất đổ vườn nhà ông làm sũng đất của ông.

Nay ông T cho rằng ông lấn chiếm đất của ông T và yêu cầu ông chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất của ông T, ông không đồng ý vì phần đất này là của ông. Ông yêu cầu tòa giải quyết vụ án theo quy định. Đối với phần ranh giới, yêu cầu làm hàng rào, dọn dỡ không được trồng dừa nữa. Yêu cầu ông T bồi thường thiệt hại cho ông vì tổn thất do việc đi về về hầu tòa theo yêu cầu của ông T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ, trình bày:

Bà là vợ của ông Trịnh Tăng T. Tại thời điểm nhà nước cân đối giao quyền sử dụng đất cho hộ chồng Trịnh Tăng T, bà là thành viên có trong hộ.

Bà thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông T, bà không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trịnh Tăng P, ông Trịnh Tăng T2, bà Trịnh Thị Tăng Q, ông Trịnh Tăng Q1, bà Trịnh Thị Tăng V, đồng thống nhất trình bày:

Các ông, bà là con của ông Trịnh Tăng T và bà Trần Thị Đ, các ông bà thống nhất với lời trình bày của ông T, bà Đ, không có bổ sung gì thêm.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND phường H trình bày:

Nguyên nhân diện tích đất theo hiện trạng của hộ ông T tăng so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp năm 1997:

+ Tăng do sử dụng một phần diện tích đất trước đây (397,5m²) thuộc hành lang giao thông tuyến Tỉnh lộ ĐT-630 (từ tim đường ra mỗi bên 13,25m) chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông T. Hiện tại, tuyến Tỉnh lộ ĐT-630 đã được điều chỉnh chỉ giới giao thông (từ tim đường ra mỗi bên 13,25m xuống còn 7,75m); do đó phần diện tích 397,5m² nêu trên có 259,8m² nằm ngoài chỉ giới giao thông, phù hợp quy hoạch và 137,7m² nằm trong chỉ giới giao thông, không phù hợp quy hoạch.

+ Tăng còn lại do sai số đo đạc.

Về quan điểm của UBND phường H đối với việc tranh chấp của hai bên:

+ Thống nhất theo hiện trạng sử dụng đất ổn định từ trước đến giờ giữa hai bên là hàng rào cây sống làm ranh giới.

+ Phần diện tích đất tăng do sử dụng một phần diện tích đất thuộc hành lang giao thông tuyến Tỉnh lộ ĐT-630 trước đây chưa được cấp giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, hiện tại phù hợp quy hoạch, thống nhất đề nghị cấp Giấy CNQSD đất cho hộ ông T theo quy định”.

UBND phường H xin vắng mặt tại các phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng N Chi nhánh H, trình bày:

Ngân hàng N Chi nhánh H chỉ cho ông Đỗ Văn T1 vay tín chấp, không nhận thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 28, tờ bản đồ 02 phường H (bản đồ năm 1997) của ông Đỗ Văn T1.

Bản án dân sự sơ thẩm số 266/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Tăng T. Phần đất tranh chấp có diện tích 130m² nằm trong thửa đất số 28, tờ bản đồ số 2 (bản đồ năm 1997) phường H thuộc quyền sử dụng của hộ ông Trịnh Tăng T. Hộ ông Trịnh Tăng T được quyền sử dụng phần đất có kích thước và giới cận như sau:

Đông giáp: thửa số 8,45 dài: 16,73m; 2,02m; 22,93m; 5,19m; 19,6m.

Tây giáp: đường bê tông dài: 7,12m; 19,05m; 20,21m; 0,22m.

Nam giáp: đường Điện Biên phủ dài 44,4m.

Bắc giáp: đường bê tông, đất ông T1 dài: 4,96m; 4,34m; 5,37m; 9,12m; 7,96m; 3,66m; 3,21m.

Diện tích: 2.330,8m² trong đó có 200m² đất ở; 2.130,8m² đất trồng cây lâu năm.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo)

Ông Đỗ Văn T1 trọn quyền sử dụng phần đất có kích thước và giới cận như sau:

Đông giáp: đất ông T dài: 9,12m; 7,96m; 3,66m; 3,21m.

Tây giáp: đường bê tông dài: 6,39m; 11,72m; 1,8m.

Nam giáp: đất ông T dài: 4,96m; 4,34m; 5,37m.

Bắc giáp: đường bê tông dài: 21,17m.

Diện tích: 430m² trong đó có 200m² đất ở, 230m² đất trồng cây lâu năm.

(Có sơ đồ chi tiết kèm theo)

2. Buộc ông Đỗ Văn T1 chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng thửa đất 28, tờ bản đồ 2 (bản đồ năm 1997) phường H của hộ ông Trịnh Tăng T.

Ngoài ra, bản án dân sự sơ thẩm còn quyết định về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 05/10/2023 ông Đỗ Văn T1 kháng cáo không đồng ý việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao phần đất đang có tranh chấp cho ông Trịnh Tăng T, vì phần đất này nằm trong giấy chứng nhận cấp cho gia đình ông; ông không đồng ý với việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử làm giảm diện tích đất của ông so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 21/9/2023 Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 597/2023/QĐ-VKS-DS kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm số 266/2023/DS-ST ngày 07/9/2023 của TAND thị xã Hoài Nhơn và đề nghị

TAND tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng hủy bản án dân sự sơ thẩm để giải quyết lại vụ án vì nguyên đơn ông Trịnh Tăng T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn T1 trả lại phần diện tích đất 130m² và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 28 nhưng Tòa án tuyên giao cho gia đình ông T phần diện tích đất 2.330,8m² bao gồm diện tích đang sử dụng do thay đổi chỉ giới giao thông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đúng thẩm quyền giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng;

- Về việc giải quyết vụ án Dân sự: Nếu cộng diện tích đất đang tranh chấp 130m² thì phần diện tích đất ông T tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 387,2m²; còn ông T1 sau khi cộng diện tích đất tranh chấp 566m² và trừ diện tích đất làm đường 15m² vẫn giảm so với diện tích được cấp 59m². Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Mặt khác, theo đơn khởi kiện ông tài chỉ yêu cầu tòa án giải quyết buộc ông T1 trả lại phần diện tích tranh chấp 130m² nhưng tòa án cấp sơ thẩm tuyên giao cho gia đình ông T phần diện tích đất 2.330,8m² bao gồm diện tích thay đổi chỉ giới giao thông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Nên đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của VKSND thị xã Hoài Nhơn và chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn T1, áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy bản án Dân sự sơ thẩm của TAND thị xã An Nhơn để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Đ, ông Trịnh Tăng T2, ông Trịnh Tăng P, bà Trịnh Thị Tăng Q, UBND phường H, Ngân hàng A1 – Chi nhánh H. Do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn T1, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Nguồn gốc thửa đất số 28, tờ bản đồ số 02 (theo bản đồ năm 1997) tại phường H là của ông Trịnh Tăng T nhận chuyển nhượng từ gia đình ông Võ Y1 năm 1972. Thực hiện Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ. Ngày 20/7/1995 ông Trịnh Tăng T có đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất trong đó có thửa số 28, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.684m² (trong đó 200m² đất ở, 1.484m² đất vườn) đến ngày 02/08/1997 được UBND huyện H (nay là thị xã H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02133QSĐĐ/A16 cho hộ ông Trịnh Tăng T.

Nguồn gốc thửa đất 29, tờ bản đồ số 02 (theo bản đồ năm 1997) tại phường H là của gia đình ông Đỗ Văn T1 mua từ năm 1966. Thực hiện Nghị định 64/CP ngày

27/9/1993 của Chính phủ. Ngày 30/02/1996 bà Nguyễn Thị T3 có đơn đăng ký quyền sử dụng ruộng đất trong đó có thửa số 29, tờ bản đồ số 02, diện tích 640m² (trong đó 200m² đất ở, 440m² đất vườn. Đến ngày 02/08/1997 được UBND huyện H (nay là thị xã H) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02120QSDĐ/A16 cho hộ bà Nguyễn Thị T3 gồm có 04 nhân khẩu. Năm 2019 hộ bà Nguyễn Thị T3 làm thủ tục tặng cho con ruột là ông Đỗ Văn T1 và ngày 25/9/2019 Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thị xã H đăng ký biến động sang tên cho ông Đỗ Văn T1 là chủ sử dụng thửa đất.

Thửa đất số 28 của hộ gia đình ông Trịnh Tăng T và thửa đất số 29 của ông Đỗ Văn T1 liền kề với nhau. Qua công tác kiểm tra thực tế, đo đạc tại cấp sơ thẩm ngày 11/11/2022. Kết quả đo đạc như sau:

- Phần tranh chấp giữa các đương sự có diện tích 130m² đất vườn tại thời điểm xem xét thẩm định tại chỗ trên đất có 09 cây dừa và 01 cây sung do ông T trồng, hiện nay ông T đã chặt 06 cây dừa còn lại 03 dừa và 01 cây sung.

- Diện tích thực tế thửa đất số 28 của hộ ông T đang sử dụng 2.338,7m² như vậy thực tế hộ ông T đang sử dụng đất tăng hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997 là 654,7m²

- Diện tích thực tế thửa đất số 29 của ông T1 đang sử dụng 436m² như vậy thực tế ông T1 đang sử dụng giảm hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997 là 204m².

Căn cứ theo biên bản làm việc ngày 21/6/2023 của TAND thị xã Hoài Nhơn với UBND phường H và Công văn số 2560/UBND-TNMT ngày 20/7/2023 của UBND thị xã H trả lời cho Tòa án thì thửa đất hộ ông T tăng 654,7m² (trong đó có 397,5m² trước đây thuộc hành lang giao thông chưa được cấp giấy chứng nhận cho hộ ông T, còn tăng 257,2m² là do sai số đo đạc). Thửa đất ông T1 giảm là do hiện đất 15m² phần giảm còn lại 189m² là do sai số đo đạc.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay diện tích thực tế thửa đất số 29 của ông T1 đang sử dụng 436m² trừ phần hiện đất 15m² thì thửa đất ông T1 đang sử dụng giảm hơn so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997 là 189m² nếu cộng thêm 130m² đất đang tranh chấp thì thửa đất ông T1 vẫn còn thiếu 59m². Thửa đất hộ ông T thực tế đang sử dụng 2.338,7m² không tính phần tranh chấp 130m² thì đất hộ ông T đã dư 257,2m². Đồng thời hộ ông T và ông T1 đều có đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 02/8/1997 đúng quy định pháp luật, đối chiếu hình thể thửa đất số 28, 29 trên bản vẽ của Tòa án cấp sơ thẩm khi đi đo đạc thực tế (bút lục 63) và bản vẽ năm 1997 dùng để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bút lục 46) thì thấy rõ phần diện tích đất tranh chấp 130m² thuộc thửa đất số 29 đã cấp cho ông T1. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T đòi ông T1 phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 130m².

Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Diện tích đất của hai thửa đất có sự thay đổi so với diện tích đo đạc thực tế hiện tại nhưng ranh giới giữa hai thửa đất đã được hai

bên sử dụng ổn định, khi ông T đo đạc lại theo V1 thì bà Nguyễn Thị T3 cũng đã ký giáp ranh xác định ranh giới giữa hai thửa đất là không có cơ sở. Bởi lẽ, khi đo đạc lại theo VN2000 đã đo chồng phần đất đã cấp cho ông T1 thành đất của hộ ông T nên gia đình ông T1 đã khiếu nại và cơ quan có thẩm quyền đã dừng việc cấp đổi sổ theo VN2000 cho ông T nên bản vẽ VN2000 không phải là căn cứ pháp lý để xác định phần đất đang tranh chấp là của hộ gia đình ông T.

Trên phần đất tranh chấp ông T đã trồng 09 cây dừa từ năm 1972 và 01 cây sung, nhưng khi cân đối giao quyền theo nghị định 64 năm 1993, thì chưa bồi thường giá trị 09 cây dừa và 01 cây sung cho gia đình ông T, hiện nay chỉ còn 03 cây dừa và 01 cây sung (gia đình ông T đã chặt 06 cây). Do vậy cần buộc ông T1 bồi thường giá trị 03 cây dừa và 01 cây sung cho ông T, và giao quyền sở hữu 03 cây dừa, 01 cây sung cho ông T1 là phù hợp quy định pháp luật. Theo kết quả định giá thì 03 cây dừa, 01 cây sung có giá là $(945.000\text{đồng} \times 3\text{ cây}) + 105.000\text{ đồng} = 2.940.000\text{đồng}$; nên ông T1 phải bồi thường cho ông T số tiền 2.940.000đồng để được sở hữu 03 cây dừa và 01 cây sung.

Ngoài ra, VKSND thị xã Hoài Nhơn kháng nghị cho rằng nguyên đơn ông Trịnh Tăng T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đỗ Văn T1 trả lại phần diện tích đất 130m² và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 28 nhưng Tòa án tuyên giao cho gia đình ông T phần diện tích đất 2.330,8m² bao gồm diện tích đang sử dụng do thay đổi chỉ giới giao thông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đúng thẩm quyền giải quyết. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng Dân sự thì lý do kháng nghị của VKSND thị xã Hoài Nhơn là đúng. Tuy nhiên, HĐXX cấp phúc thẩm đã khắc phục sửa lại phần này cho phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn. Do đó không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo đề nghị của Viện kiểm sát, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm vấn đề này.

[3] Từ những phân tích nêu trên HĐXX có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn T1 sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Tăng T đòi ông T1 phải trả lại diện tích đất lấn chiếm 130m² và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng phần đất hợp pháp của gia đình ông, buộc ông T1 phải bồi thường cho ông T số tiền 2.940.000đồng để ông T1 được sở hữu 03 cây dừa và 01 cây sung do ông T trồng trên đất tranh chấp. Không chấp nhận kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của VKSND thị xã Hoài Nhơn.

[4] Về chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ tại cấp sơ thẩm: Ông Trịnh Tăng T phải chịu (đã nộp đủ).

[5] Về án phí:

[5.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông T là người cao tuổi nên được miễn nộp. Ông Đỗ Văn T1 phải chịu 300.000đồng.

[5.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Theo quy định khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông T1 không phải chịu.

[6] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị HĐXX chấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của VKSND thị xã Hoài Nhơn và chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn T1, công nhận diện tích đất tranh chấp là của ông Đỗ Văn T1 và áp dụng khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy bản án Dân sự sơ thẩm của TAND thị xã Hoài Nhơn là phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 163, 164, 166, 169, 175 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 26, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Văn T1, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hoài Nhơn. Sửa bản án sơ thẩm số 266/2023/DS-ST ngày 07 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Tăng T về việc yêu cầu ông Đỗ Văn T1 phải trả lại phần đất lấn chiếm 130m² cho gia đình ông và chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật quyền sử dụng đất hợp pháp của gia đình ông (vì phần đất tranh chấp 130m² thuộc thửa đất số 29, tờ bản đồ số 02 theo bản đồ năm 1997 thuộc quyền quản lý, sử dụng của ông Đỗ Văn T1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02120QSDĐ/A16 ngày 02/08/1997 của UBND huyện H nay là thị xã H).

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án).

3. Buộc ông Đỗ Văn T1 phải bồi thường cho ông Trịnh Tăng T 2.940.000đồng để ông T1 được quyền sở hữu, sử dụng 03 cây dừa và 01 cây sung trên phần đất tranh chấp.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá: Ông Trịnh Tăng T phải chịu (đã nộp đủ).

5. Về án phí:

5.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trịnh Tăng T được miễn nộp. Ông Đỗ Văn T1 phải chịu 300.000đồng.

5.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đỗ Văn T1 không phải chịu. Hoàn trả cho ông T1 300.000đồng tiền tạm ứng án phí ông T1 đã nộp theo biên lai thu số 0003085 ngày 05/10/2023 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Hoài Nhơn.

6. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

6.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả khác khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6.2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã Hoài Nhơn;
- CCTHADS thị xã Hoài Nhơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Minh Dũng